

NAOYA SHIGA



truyện kể về chính mình

LÊ HUY OANH dịch



VĂN số 191
01-12-1971

TRUYỆN KỂ VỀ CHÍNH MÌNH

Naoya Shiga

Lê Huy Oanh dịch



Paris * 03.2025

Bìa: *M. C. P*
Nguồn: *Thư Ấn quán*

truyện kể về chính mình

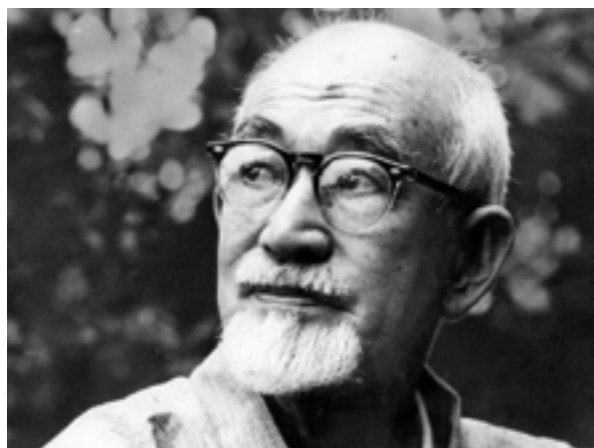
NAOYA SHIGA

Người dịch: Lê Huy Oanh

Tập san VĂN
số 191 * 01.12.1971

Trong tập này

- | | |
|--------------------------------------|----|
| 1. Marc Mécréant | 9 |
| Shiga hay là truyện kể về chính mình | |
| 2. Naoya Shiga | 25 |
| Con Dao Cạo * Lê Huy Oanh dịch | |
| 3. Naoya Shiga | 63 |
| Kuma * Lê Huy Oanh dịch | |



Shiga Naoya

(1883 – 1971)

Trong tiếng Nhật, họ và tên được viết theo thứ tự Á Đông (họ trước tên sau) :
họ là **Shiga**

Khi đề cập đến một tác giả và một tác phẩm có lẽ không quen thuộc đối với mình, chắc hẳn đọc

giả thường đặt ra một số câu hỏi.

Trong số những câu hỏi đó có thể có câu như thế này : làm thế nào « đặt chỗ ngồi » cho tiểu thuyết gia này, một tiểu thuyết gia đã từng và hiện vẫn còn là một trong những nhà văn bậc thầy của nước Nhật mới ? Đây là lần đầu tiên một tuyển tập truyện kể ngắn được coi là khá quan trọng của nhà văn ấy được đem cống hiến cho độc giả Pháp, vậy thì những truyện ngắn đó giữ một địa vị nào trong toàn bộ tác phẩm của tác giả ?

Chúng ta hãy thử rọi ánh sáng vào những điều liên hệ được coi như cần phải biết tới.

BƯỚC ĐẦU VĂN NGHIỆP

Naoya Shiga sinh ngày 20 tháng Hai

năm 1883 tại Ishinomaki, trong một tỉnh nằm ở phía Đông Bắc thành phố Tokyo. Năm lên bảy tuổi, ông vào học tại Quý tộc Học hiệu ở thủ đô và tốt nghiệp trưởng đó vào năm 1906. Năm ông 17 tuổi ông đã khám phá ra cái văn phong mạnh mẽ của nhà văn Thiên Chúa giáo Kanzô Uchimura, và trong một thời gian, ông có chịu ảnh hưởng của Uchimura. Vào năm 1908, cùng với nhiều bạn đồng học của ông tại Hoàng gia Đại học đường, Naoya Shiga đã thiết lập tờ tạp chí Boya (Những viễn ảnh) nhưng tờ này sống không được bao lâu ; từ năm 1910, ông đã cộng tác chặt chẽ với tạp chí Shirakaba (Cây Phong). và tờ này sống đến tận năm 1923.

Nhóm Shirakaba, mà những hoạt động đã đánh dấu một thời kỳ quan trọng của nền văn học mới của Nhật

Bản, đã không hề có chủ đích phát huy những ý tưởng có tính chất nhân bản như người ta đã chờ đợi. Lúc khởi đầu, với phản ứng giản dị chống lại những « lãnh chúa » văn nghệ bị coi là lỗi thời hoặc là chướng ngại cản đà tiến của văn chương, nhóm Shirakaba, do sự thúc đẩy của nhà văn Mushanokôji, đã tung ra một cái đà tiến cho văn chương hơn là tung ra một chủ thuyết. Đà tiến vừa kể là cái đà tiến của những tay quý phải trẻ tuổi trong lãnh vực tinh thần, những tay có chung cái thị hiếu về tự do cá nhân, cùng khao khát một hình thức nào đó của một vẻ đẹp có tính chất nhân bản và ở vẻ đẹp ấy sự quan sát đầy thiện cảm về kẻ khác đã phản bội cái ảnh hưởng sâu xa của văn sĩ Nga Léon Tolstoï. Một số các nhà phê bình đã quy gán cho nhóm Shirakaba là nhóm của những nhà văn tài tử đã gây nên sự suy tàn mà các nhà phê bình ấy tin

rằng họ đã khám phá ra trong tình trạng sáng tác văn chương vào những năm từ 1920 đến 1925. Dầu nhóm Shirakaba có là thế nào chăng nữa, dầu sự hợp tác của ông với tạp chí Shirakaba dạo ấy không được chặt chẽ lắm — trong một cuộc đàm luận với tôi vào năm 1957, Naoya Shiga đã xác nhận với tôi điều đó — nhưng từ năm 1910, Naoya Shiga cũng đã cho đăng trên tờ tạp chí định kỳ ấy một loạt những truyện ngắn, mà truyện đầu tiên nhan đề Abashiri made (Trên đường tới Abashiri) đã mang trong nó một giọng văn mới và một lối hành văn riêng biệt.

THỜI KỲ CHÍN MÙI

Nhìn toàn bộ tác phẩm của Naoya Shiga, người ta thấy xuất hiện vô vàn vô số nhan đề. (Vào năm 1955, nhà sách

Iwanami có in toàn bộ tác phẩm của Shiga và toàn bộ này đầy tới 16 cuốn. Trong toàn bộ ấy, chỉ có một truyện dài nhan đề Anya Kô rô (Dò dẫm trong đêm đen) còn tất cả phần còn lại đều là những truyện ngắn, có thể nói là rất ngắn ; nhưng tất cả — hay gần như là tất cả — những truyện ngắn đó đều nói một cách kỹ lưỡng về « cái tôi » của chính tác giả. Đó là những ánh lân quang lụn vụn của một cuộc đời, và những suy tư mà cuộc đời ấy làm phát sinh ra. Bằng sự áp dụng cách thức như vậy trong việc thu nhặt những mảnh vụn của cuộc sinh tồn, Naoya Shiga có thể nghiêm nhiên trở thành kẻ sáng lập, tại Nhật Bản, cái loại “truyện kể về chính mình”.

Thật ra lòng ưu ái đối với loại truyện ngắn không phải là tính chất đặc hữu của Naoya Shiga. Loại sáng tác ngắn xuất

hiện nhan nhản ở Nhật Bản tạo thành một trong những vẻ độc đáo của xứ đó so với những xứ khác, ngay cả những xứ thuộc nguồn gốc người anglo-saxons, là những xứ vốn dĩ phong phú về loại truyện ngắn. Liệu có thể, như người ta đã làm, đưa sự kiện này tới gần với cái thị hiếu rất sôi nổi của người Nhật trong việc ghi chụp chi tiết và hình thái ngoại diện ? Có thể lắm chứ. Và càng suy đoán như thế có lẽ người ta sẽ đi tới chỗ tự hỏi là liệu tinh thần Nhật Bản có sẽ chẳng cảm thấy, đối với phép tổng hợp, một sự ghê tởm tương tự với sự ghê tởm mà họ thường bày tỏ đối với những bức toàn cảnh chẳng hạn, lý do là vì sự tổng hợp ấy vốn có một sự tinh tế không thể vượt qua được trong nghệ thuật chụp bắt xúc cảm tinh vi mịn màng nhất, chụp bắt tia phản chiếu hoặc đường nét óng ánh.

SỰ TÔN SÙNG CÁI TÔI

Với cái vẻ trông bên ngoài thấy như là rời rạc tản mạn của một tác phẩm thật ra vốn dĩ có mạch lạc một cách mật thiết, Naoya Shiga đã, từ truyện này sang truyện khác, từ kinh nghiệm này sang kinh nghiệm kia của ngôi thứ nhất, đã luôn luôn chứng tỏ một cách rõ rệt là ông chú trọng tới việc kiến lập một sự khôn ngoan hợp lẽ. Ảnh hưởng của những nhân vật quan trọng như ông nội của tác giả là cụ Naozô hoặc nhà luân lý Thiên Chúa giáo Kanzô Uchimura, đã có vẻ nằm trong số những yếu tố quyết định cho sự kiến lập chủ trương của tác giả về một sự khôn ngoan. Nhưng chủ trương đó của tác giả được đặt trên bình diện nào ? Trên bình diện tính nết và thái độ nhiều hơn là trên bình diện tư tưởng ; bởi chưng người ta

phải biết tưởng tượng ra một ông Naoya Shiga đang làm việc với một sự cố gắng thường trực để thiết lập một nghệ thuật sống, một cung cách về cử chỉ và thái độ. Chỉ vì trong đời sống của một người vốn có những việc xảy ra có tác dụng mạnh hơn mọi biến cố khác, và có tính chất quyết định, làm thay đổi màu sắc của đời sống ấy – chẳng hạn như một sự đối diện thật gần gũi với thân chết – Vào tháng 8 năm 1913 trên đường hỏa xa chạy chung quanh thành phố ở Tokyo, Naoya Shiga đã bị một xe lửa chạm phải. Do đấy, người ta không sửng sốt khi thấy trong những sự suy ngẫm của ông hoặc trong một số truyện ngắn của ông (chẳng hạn truyện A Kinosaki) cái lối phát biểu ý tưởng nghiêm trang hơn của ông.

Dần dần Naoya Shiga ý thức được những sự bất đồng như thế giữa cuộc

sống của ông, của một con người, với những quan niệm của ông trên phương diện một nhà văn ; và vài năm sau, việc ông tăng tịu với một cô chiêu đãi viên tại một “nhà hò hẹn” đã tạo cho sự nhận thức đó của ông một tính chất đủ rõ ràng để từ nhận thức đó tỏa ra những hậu quả không thể đẩy ngược lại được. Như vậy, cái biến cố ấy trong đời sống lứa đôi của vợ chồng ông đã, bằng một sức tiến không thể đẩy ngược lại được đưa ông từ sự tôn sùng chính mình một cách ân cần dễ dãi tới chỗ chấp nhận sự hi sinh trong một “giới hạn” nào đó : sự lo âu cho những người thân của mình, cho sự bền vững của cơ sở gia đình, sự lo âu về hoàn cảnh xã hội của ông đã khiến ông phải ngã vào sự hi sinh ấy. Có thể là dưới mắt một số kẻ nào đó, cử chỉ ấy có vẻ quá biết điều, nhưng cử chỉ đó, được chứng tỏ qua những tác phẩm mà nó đã gợi ra

từ đạo ấy, đã và đang còn giải thoát con người khỏi những nỗi ám ảnh của chính y, giải trừ ra khỏi đời sống của y những sự đe dọa vốn dĩ đè nặng xuống đời sống ấy.

TINH THẦN VÀ VĂN PHÁP

Ở Naoya Shiga, liệu có một sự tìm kiếm về bút pháp đi theo song song với sự tìm kiếm một đức lý hay không ? Người ta ngần ngại không biết nên trả lời dứt khoát ra sao về câu hỏi đó, nhưng thật ra – mặc dầu đó chỉ là ảo tưởng – người ta ngả về cái cảm nghĩ cho rằng Naoya Shiga đã mau lẹ tìm thấy bút pháp của ông. Cái bút pháp đó đã từ lâu và hiện vẫn đang làm ông trở thành một cây viết bậc thầy ; chính bút pháp ấy là cái yếu tố bảo đảm cho Shiga nếu không duy trì

được một “sự hiện diện” (*une présence*) thì ít ra cũng duy trì được một “địa vị” (*une situation*) trên văn đàn Nhật Bản – hai danh từ *présence* và *situation* vốn là một sự phân biệt chi lý của Thibaudet. Những câu văn của Shiga có vẻ như chảy ra từ một nguồn trong sạch. Văn pháp nhìn thấu qua được của Shiga khiến người nghĩ tới văn pháp của Anatole France. Văn pháp ấy hơi rõ ràng, trong sáng, nếu người ta muốn thế, nhưng lại có thể dung hợp dễ dàng những màu sắc tinh tế, thứ văn pháp luôn luôn được kiểm soát, được gói ghém, được chế ngự. Mỗi bài văn được cho in đều có vẻ như đã phải được viết đi viết lại ít ra cũng tới ba lần liên tiếp.

Khi tôi trình bày với ông ta sự nhận xét của tôi về cái vẻ đơn giản rất mực trong văn pháp của ông ta – chẳng hạn

việc xài một cách có giới hạn những chữ tượng hình hoặc cố tình loại bỏ những chữ khó hiểu hoặc ít được dùng – Shiga trả lời tôi rằng trái với những nhà văn ưa xài một ngữ vựng phong phú, ông chỉ cố phát biểu ý kiến một cách càng chừng mực càng hay bằng cách chỉ xài một số dụng ngữ hạn hẹp được chừng nào tốt chừng nấy : ít dụng ngữ thôi, nhưng đó là những dụng ngữ công hiệu, những dụng ngữ luôn luôn tạo được giọng điệu chính xác trong những lời đối thoại.

Thật thế, không có gì chân xác hơn hoặc nhiều thực chất Nhật Bản hơn những lời đối thoại hoặc những mẫu đối thoại sáng rực rỡ trong những truyện kể của Shiga. Nhưng đối với những độc giả ngoại quốc, cũng chẳng có thú văn pháp nào tinh vi và nhiều cảm bấy hơn văn pháp của Shiga, một phần cũng vì “nghệ

thuật đàm thoại” của người Nhật vốn có tập quán chứa đựng những sắc thái mập mờ, những lối tình lược, những kiểu nói xa xôi bóng gió, và tất cả những cái đó thỉnh thoảng lại khiến cho những lời đàm thoại gần như trở thành một sự trao đổi những ám hiệu rất khó mà hiểu ra được.

MỘT TÁC PHẨM NGOẠI LỆ

Một trong những tác phẩm, mà Shiga, tác giả của chúng, lấy làm đặc ý nhất đó là cuốn truyện dài An'ya Kô-rô. Cuốn tiểu thuyết đó với những kích thước của nó và với sự soạn thảo thông thả kỹ lưỡng của tác giả, quả thật là tác phẩm quan trọng nhất của Shiga. Do đấy, sách đó hơi có vẻ là một ngoại lệ khác biệt, một tác phẩm vĩ đại nổi lên sừng sững

giữa tác phẩm khác của tác giả. Theo tỷ lệ về kích thước, cuốn An'ya Kô rô là một tác phẩm có thể được ví với cuốn Les Fanx Monnayears trong số những tác phẩm của André Gide. Dầu sao đi nữa, An'ya Kô rô cũng là một cuốn sách cần được dịch riêng hẳn ra. Và nếu phải chọn cuốn An'ya Kô rô hoặc tập tuyển truyện này làm phương tiện tìm hiểu Shiga thì chắc hẳn độc giả Pháp sẽ ưng tuyển tập này hơn: mặc dầu tuyển truyện này có vài thiếu sót, và chắc chắn là có vài đề tài cần được thảo luận kỹ càng hơn, nhưng những vẻ tạp đa liên hệ của nó có thể sẽ khiến độc giả sẵn lòng bỏ qua những điều thiếu sót.

Marc Mécréant

Con Dao Cạo

Yoshisaburo là một bác thợ cạo ở Roppongi thuộc khu Azabu¹ ; cửa hàng của bác mang bảng hiệu Con Rông. Ít khi bác đau ốm lắm, ấy vậy mà lần này bác phải nằm trong giường vì bệnh cúm, mà lại đau ngay vào trước lễ Thu Vọng Vương Hồn, là dịp mà khách hàng rất đông đảo ! Nằm trong giường, Yoshisaburo nghĩ tới hai người phụ việc của bác là Gen và Jita mà bác đã cho thôi việc cách đó một tháng ; bác tự nhủ :

¹ Azabu là một khu ở Tokyo. Roppongi là một ngã tư quan trọng. (chú thích trong bản Pháp ngữ).

“Giá lúc này mình có Gen và Jita thì đỡ biết mấy !”

Trước kia, ba người cùng làm ở cửa hiệu cắt tóc này và mặc dầu bác hơn Gen và Gila một hai tuổi, nhưng lúc đó bác cũng chỉ là một người làm công như hai chú kia... Thế rồi, một ngày đẹp trời, ông chủ đã chọn Yoshisaburo : ông gả con gái của ông cho bác, rồi ông rút về nghỉ ngơi nhường cửa hiệu cho chàng rể. Gen vốn âm thầm say mê con gái ông chủ, nên chẳng bao lâu sau khi bị thất tình, Gen dờn bỏ cửa hiệu ; còn gã Jita bắt đầu phải đổi cách xưng hô từ “ông Yoshi” xưa cũ của gã thành ra “ông chủ”, nhưng gã không hề thay đổi chút nào những thói quen của gã trong công việc.

Sáu tháng sau, ông già vợ của Yoshisaburo qua đời; sáu tháng sau nữa, đến lượt bà già vợ tạ thế. Tài nghệ Yoshisabu-

ro trong công việc sử dụng dao cạo quả là thần sầu. Bác rất khó tính với chính mình trong việc sử dụng dao cạo, một sự khó tính thường hay khiến bác nổi đóa. Khởi sự bác thoa nắn làn da khách hàng coi xem nó nhẵn hoặc gồ ghề như thế nào. Nếu không cạo sạch được hết mọi sợi râu, hết mọi sợi lông, bác sẽ không thể nào chịu nổi. Ấy vậy mà bác chẳng bao giờ làm hư hại một biểu bì nào trên mặt ai cả. Các khách hàng thường nói :

– Được Yoshisaburo cạo râu cho thì có thể kéo dài thời hạn cạo lần sau lâu thêm một ngày nữa, so với các nơi khác cạo.

Yoshisaburo thường vẫn kiêu hãnh là trong suốt mười năm qua dao của bác chưa từng bao giờ gây ra một đường rạch nào trên mặt khách.

Gen ra đi được hai năm, thế rồi, vào một ngày đẹp trời, người ta thấy y trở lại. Khi nghe những lời xin lỗi của Gen, Yoshisaburo tự cảm thấy mình bắt buộc phải nhận người bạn cũ làm việc lại – hẳn vì nhớ tới tình bạn xưa cũ mà Yoshisaburo quyết định như thế. – Có điều trong hai năm qua, Gen đã trở thành một kẻ mất nết. Y gắt gỏng khi làm việc. Và rồi khi chỗ này, khi chỗ khác, y rủ rê Jita vào những vụ chơi bởi phóng đảng với bọn đàn bà không đoan chính, với bọn gái điếm ở Kasumi-chô. Rốt cuộc không những y làm cho gã Jita vốn dĩ đứng đắn tử tế trở thành một kẻ chơi bởi, mà y còn đưa Jita tới chỗ ăn cắp tiền trong két của Yoshisaburo để tiêu xài... Ái ngại cho Jita, Yoshisaburo đã nhiều lần cố gắng hướng dẫn Jita trở về với lẽ phải ; nhưng tiền trong két cứ tiếp tục bị mất, khiến cho sau đó một tháng, Yoshisaburo đành

phải tống cổ Gen và Jita ra khỏi tiệm.

Giờ đây, Yoshisaburo muốn một gã thanh niên khoảng hai chục tuổi, tên Kanejiro; gã này có nước da mặt xanh tái trông không có chút khí lực nào cả. Bác còn muốn thêm một thằng bé tên Kin ; thằng bé này khoảng mười hai, mười ba tuổi, sọ dài một cách dễ sợ. Mai đã tới lễ Thu Vọng Vương Hồn, nên hôm nay khách hàng kéo đến tiệm rất đông, ấy vậy mà ngoài tiệm chỉ hai thằng ngớ ngẩn đó. Nằm dài trên giường, người nóng hầm và đau đớn bả hoải, bác Yoshisaburo bức bối với cái hoàn cảnh của bác.

Tối gần trưa, khách kéo đến tiệm đông nườm mượp. Cái cửa ra vào có mặt

kính luôn luôn kêu lẹt kẹt vì cứ bị kéo ra đẩy vào hoài. Đôi quai guốc thẳng Kin đi lỏng lẻo nên nó cứ kéo lê đôi guốc gỗ : những tiếng động như thế, những sự rung chuyển như thế cứ quất hoài hoài vào bộ thần kinh người bệnh.

Cửa ra vào có mặt kính lại mở ra một lần nữa, một giọng nói đàn bà vẳng lên :

– Ông Yamada ở Ryudo sai tôi tới đây. Chiều mai ông chủ tôi sẽ khởi sự chuyến du lịch của ông, nên ông muốn nhờ tiệm này mài hộ ông con dao cạo này cho thật sắc. Lẹ lẹ nhé, tối nay tôi sẽ trở lại lấy.

– Hôm nay tiệm có nhiều khách quá.
– tiếng nói của Kanejiro vẳng lên – Để sáng mai lấy được chăng?

Hình như người đàn bà có hơi ngần ngừ một lát, rồi cô ta nói :

– Cũng được, nhưng mài thật sắc hộ đấy nhé.

Nói xong câu đó, cô ta đóng cửa lại để rồi ngay sau đó lại mở cửa ra :

– Xin lỗi cậu, tôi muốn nhờ chính ông chủ tiệm này mài hộ, đấy nhé. Cô ta nói.

– Hờ, hờ... ông chủ đang.... Kanejiro nói ấp úng.

– Kane ! Chắc chắn là chính tao sẽ mài !

Từ trong giường, Yoshisaburo hú lên như vậy để cắt ngang câu nói của Kanejiro. Tiếng nói của bác cao nhưng giọng nói đã khác đi,

– Vậy thì, được rồi... Kanejiro nói một cách vắn tắt.

Cửa ra vào lại đóng lại; cô gái hẳn đã đi rồi.

“Cuộc đời chó đẻ !” Yoshisaburo nói thì thầm ; rồi thì hai cánh tay nhớp nhúa ra khỏi lớp lót màu xanh dương của chiếc áo ngủ, bác đứng yên một lúc bực bội ngắm hai cánh tay đó.

Tuy nhiên, tấm thân thể của bác, bị cơn sốt làm cho rã rời, lúc này nặng như đồng. Như bị mê hoặc, bác bắt đầu ngắm nhìn con chó cầu phúc bằng bột giấy được treo trên trần nhà, con chó ám khói đen xịt và có đầy những con ruồi đậu im lìm.

Với một cử chỉ không hẳn là đột ngột, bác lắng tai nghe những lời đàm thoại từ cửa tiệm vọng vào. Hai ba người lính

đang thảo luận về những điểm xấu điểm tốt của những món ăn tại những quán lân cận trại lính, nơi họ vẫn thường dời trại tới dùng bữa. Họ đồng ý với nhau: những thức ăn ở những quán đó dơ quá ; nhưng may thay dạo này thời tiết mát mẻ hơn khiến cho bữa ăn dễ nuốt hơn...

Trong lúc Yoshisaburo lắng nghe những chuyện linh tinh như vậy, bác cảm thấy cơ thể dễ chịu hơn. Một lát sau, bác trở lại giường một cách khó nhọc.

Ngày bắt đầu tàn. Trong làn ánh sáng nhợt nhạt tỏa vào qua cửa căn bếp, đối diện với căn phòng ba-tấm-chiều², vợ bác là O-umé, lưng đeo đứa con nhỏ, đang sửa soạn bữa ăn tối. Lúc này, vì cảm

² Tấm chiếu vốn được dùng làm đơn vị đo lường diện tích các phòng trong một ngôi nhà Nhật Bản. Người ta cũng căn cứ theo chiều dài và rộng của tấm chiếu để định diện tích cho mỗi phòng. Mỗi tấm chiếu dài 1 thước 82, rộng 0 th 91 và dày 5 phân. (chú thích trong bản Pháp ngữ)

thấy cơ thể dễ chịu, Yoshisaburo khoan khoái thưởng thức sự dễ chịu ấy và bác ngó vợ bác. “Mình phải lợi dụng sự dễ chịu này chứ – bác tự nhủ – Mình đã hơi khoe khỏe, có thể làm việc được rồi đây !” Và bác ngồi phịch xuống ; nhưng đầu óc bác quay cuồng và bác phải úp mặt vào gối một lúc.

O-umé bước vào, hai bàn tay ướt át của bà đu đưa trước mặt và bà cất tiếng hỏi một cách dịu dàng, ân cần :

– Mình có cần gì không ?

Yoshisaburo muốn trả lời “không !” nhưng chẳng có âm thanh nào thoát ra khỏi đôi môi bác. O-umé đã thay khăn trải giường, sắp cái ống nhổ và những ve thuốc ở đầu giường cho gọn lại.

– Không !

Yoshisaburo nói và sự khản giọng của bác khiến O-umé không dám động tới vật gì nữa. Lúc nấy bác dần dần lấy lại được tính khí bình thường, nhưng lúc này sự bực bội của bác lại nổ bùng ra.

– Có phải đỡ lưng cho mình không ?

O-umé hỏi, và một cách thận trọng, bà ta tiến nhẹ ra phía sau chồng.

– Mang sợi da [sợi da dùng để mài dao (chú thích của người dịch.)] và cái dao cạo của ông Yamada lại đây cho tôi !

Yoshisaburo nói một cách cộc cằn.

O-umé đứng yên một lát không nói gì cả.

– Liệu mình đã làm việc được chưa ?
Cuối cùng bà cất tiếng hỏi.

– Khỏi lo cho tôi, cứ mang sợi da và con dao tới đây.

– Nếu mình ngồi dậy thì phải lấy tấm mền hoặc một cái gì đó mà choàng lên người chứ !

– Đừng nói dông dài nữa, hãy mang sợi da và con dao tới đây ; có lẽ lên không nào ?

Thật ra Yoshisaburo cũng đã cố dần lòng lại, nhưng sự bức tức cứ dâng lên trong người bác. O-umé làm ra vẻ thản nhiên như không, nhưng bà lấy ra một chiếc kaimaki³ và, từ phía sau chồng, bà ta choàng cái áo đó lên vai chồng lúc đó đang ngồi thu lu trong giường như một bác thợ may. Nhưng Yoshisaburo, bằng cử chỉ giống như cử chỉ của một kẻ hất

3 kaimaki là một thứ áo ngủ ngắn có mền bông và hai tay dài. Khi nằm ngủ người ta mặc áo đồ như một thử áo choàng. (chú thích trong bản Pháp ngữ).

bỏ một gánh nặng trên vai mình, đã nắm lấy cổ chiếc kaimaki và oằn người giật nó ra khỏi vai.

O-umé, chẳng nói gì cả, kéo tấm lá chắn trên bức vách di động, rồi đi xuống căn phòng nền đất thịt ngoài cửa tiệm lấy sợi da và con dao cạo rồi trở vào. Không tìm được chỗ thích hợp để treo sợi da, bà mắc đại nó vào một cái khuy sắt trên chiếc cột gỗ ở phía sau đầu giường.

Trong lúc thưởng, đầu chỉ hơi khó chịu trong người, Yoshisaburo cũng thường vẫn nghĩ rằng bác không thể nào mài một lưỡi dao cho đúng điệu được ; ấy vậy mà hôm nay tay bác lại còn run vì cơn sốt nữa, bác hoàn toàn không đủ khả năng để làm điều mà bác muốn. Thấy chồng có vẻ cau có bức bối quá như thế, O-umé không còn yên lòng được.

– Thôi mình để thằng Kane nó mài cho !

Bà vợ đã nhiều lần cố đưa ý kiến đó ra, nhưng ông chồng không hề trả lời.

Dầu sao thì mài xong con dao bác Yoshisaburo cũng đã mệt lả. Làm việc được khoảng chừng mười lăm phút, mặt bác trông đã có vẻ cực kỳ mệt nhọc, bác lại nằm xuống, đầu óc lơ mơ và cuối cùng ngủ thiếp đi.

Khi bóng tối bắt đầu tỏa xuống thành phố thì người tớ gái của nhà Yamada, sau những công việc của cô ta, đã trở lại, tạt vào tiệm lấy con dao cạo.

O-umé đã nấu xong món cháo và muốn chồng bà ăn cháo lúc nó đang còn nóng. Nhưng thấy chồng ngủ say quá và bà nghĩ rằng nếu đánh thức ông dậy

chắc chắn ông sẽ bắn gắt, nên bà đành thôi không đánh thức ông dậy ăn cháo. Tối tám giờ tối, vì thấy trời đã muộn, giờ uống thuốc có thể không phù hợp với giờ ăn, bà đã phải đánh thức ông dậy – bà phải vất vả lay lay ông thật nhiều ông mới tỉnh.

Lần này Yoshisaburo có vẻ dễ tính và tươi tỉnh hơn; bác ngồi dậy dùng bữa. Rồi vừa thoát ngả lưng nằm xuống bác ta lại ngủ li bì.

Trước mười giờ tối một lát, vợ bác lại đánh thức bác dậy uống thuốc. Lần này, cơ thể nặng nề choáng váng, Yoshisaburo không sao tỉnh táo hẳn lại được. Hơi thở nóng hổi của bác chạm vào tấm mền mà bác kéo lên che kín hai mắt và phả xuống mặt bác khiến bác có một cảm giác

khó chịu. Cửa tiệm lúc này im vắng. Bác giương đôi mắt lơ lơ nhìn chung quanh. Dọc theo cây cột gỗ, sợi da đen sịt thông xuống với vẻ im lìm. Bóng tối lẫn lộn với ánh sáng : ngọn đèn dầu chiếu ra một làn ánh sáng nhơ nhớp, một màu vàng ghê tởm khai mùi nước tiểu. Làn ánh sáng đó tỏa vào lưng Q-umé lúc đó đang vạch vú cho đứa nhỏ bú ở một góc phòng. Cái cảm giác mà toàn gian phòng tạo ra dễ khiến cho cơn sốt của bệnh nhân tăng thêm...

– Ông chủ !... Ông chủ !....

Từ ngưỡng cửa giữa phòng trong và cửa tiệm tiếng nói e dè của thằng Kin vọng vào.

– Chi vậy ?

Yoshisaburo hỏi lại nhưng miệng

bác ta vẫn khuất dưới tấm mền. Chắc hẳn vì bị nghẹt dưới tấm mền nên tiếng nói của bác không đi nổi tới tai Kin khiến gã thanh niên đó cứ nhắc đi nhắc lại cái tiếng “Ông chủ !”

– Có chuyện gì thế ?

Lần này tiếng nói của Yoshisaburo nghe đã rõ ràng và chua lòn.

– Vụ đao cạo của ông Yamada.

– Dao khác à ?

– Vẫn con dao cũ. Ông ta đã thử cạo những dao cùn quá. Họ đưa mài lại và hẹn trưa mai tới lấy. Họ yêu cầu ông chủ làm kỹ lưỡng rồi cho người mang tới nhà họ giao trả cho họ.

– Người mang dao tới còn đó không ?

- Cô ta vừa đi rồi.
- Đưa con dao đây tao coi nào.

Yoshisaburo vươn dài cánh tay trên tấm khăn trải giường và cầm lấy con dao cạo lúc đó đang nằm trong một cái túi bằng da dê thuộc mà Kin ngồi thụp hẳn xuống dâng lên cho bác.

– Tay mình vẫn còn run vì bệnh. O-umé nói. Hay là đưa cho ông Yoshikawa ở Kasumi cho bảo ông ta mài hộ cho ?

Vừa nói thế, O-umé vừa sửa lại ngực áo của bà cho ngay ngắn kín đáo lại. Chẳng nói chẳng rằng, Yoshisaburo vươn tay ra khêu ngọn đèn cho sáng hơn, rút con dao cạo khỏi túi da, khẽ gại gại lưỡi dao vào mu bàn tay coi xem nó sắc của như thế nào. O-umé, lúc ấy ngồi ở đầu

giường, muốn đặt tay lên trán chồng coi nóng lạnh ra sao. Với vẻ cẩu kính, ông chồng dùng cánh tay rảnh rang gạt bàn tay bà vợ ra.

– Này, Kin !

– Cháu đây!, Kin, lúc ấy đang ngồi xồm ngay dưới chân giường, cất tiếng trả lời.

– Đưa hòn đá mài lại đây!

– Thưa vâng !

Hòn đá mài được mang tới, Yoshis-aburo ngồi đó, một đầu gối vênh lên, bắt đầu mài lưỡi dao. Đồng hồ điểm mười tiếng một cách mềm yếu. Biết chắc là dầu có can ngăn chồng cũng vô ích, O-umé ngồi im lặng ngó chồng mài dao.

Khi mài xong trên hòn đá, Yoshisaburo còn đưa lưỡi dao sang liếc vào sợi da. Người ta có thể bảo rằng làn không khí tù hãm trong căn phòng bắt đầu hơi xao động lên với những tiếng mài dao nhịp nhàng...

Yoshisaburo cố chế ngự hai bàn tay đang run rẩy của bác ; bác cố giữ nhịp tay cho đều đặn nhưng vô ích ; bàn tay bác không tuân đúng theo ý muốn của bác. Đột nhiên cái đỉnh khuy mà lúc chiều O-umé đã đóng hờ vào cây cột bị văng ra khiến cho sợi da văng theo, rơi xuống, cuộn tròn lấy con dao cạo. O-mmé bất giác kêu lên :

– Cẩn thận đó !

Và bà sợ hãi nhìn khuôn mặt chồng bà trên đó cặp mày đang rung lên một cách bức tức. Ông chồng gỡ cho sợi da

khỏi xoắn lại, liệng nó xuống đất, rồi ông đứng dậy, tay cầm con dao cạo bước đi một cách quyết liệt ra phía cửa tiệm, trên người ông chỉ có bộ quần áo ngủ.

– Kìa, kìa, mình điên à !

Với giọng nói đầy nước mắt, O-umé cố ngăn cản chồng, nhưng vô ích. Không nói một lời, Yoshisaburo bước xuống cửa tiệm ; vợ bác ta cũng bước theo, không rời chồng ra.

Không có một khách hàng. Chỉ có thằng Kin đang ngồi lơ mơ trong một cái ghế bành trước một tấm gương soi.

– Thằng Kane đâu rồi ? O-umé hỏi.

– Anh ấy đi ve cô Tokiko rồi.

Thằng Kin trả lời bằng một vẻ khá nghiêm trang.

– Thằng ấy mà đi ve gái à ? Nó đã nói vậy thật à ?

O-ume vừa nói vừa cười lớn tiếng.

Trong khi đó, khuôn mặt Yoshisaburo vẫn có vẻ băng khuâng lăm lăm.

Cô Tokiko mà thằng Kin vừa nhắc tới là một cô gái kỳ cục ở cách tiệm hớt tóc này chừng năm, sáu nhà ; cô coi giữ một cửa hiệu mà tấm bảng treo ngoài cửa cho biết đó là cơ sở « cung cấp đủ loại hàng cho quân đội. » Người ta nói rằng trước kia cô ta là một sinh viên. Từ sáng cho tới chiều, không một phút nào là người ta không trông thấy một hai quân nhân, hoặc sinh viên, hoặc những gã trẻ tuổi ở gần đó, đứng ngồi phất phơ trong cửa hiệu của cô ta.

– Cửa hàng nhà người ta sắp tới giờ

đóng cửa rồi ; hãy sang gọi thằng Kane về.

O-umé ra lệnh cho Kin.

Nhưng không hiểu tại sao, Yoshisaburo lại chống đối lệnh đó của O-umé:

– Bây giờ hãy còn sớm lắm mà !

Ông ta nói thế, và O-umé thôi không nói gì về việc đó, bởi nói thêm nữa làm chi, thêm phiền.

Yoshisaburo lại mài dao. Đúng mà làm việc ông ta thấy dễ chịu hơn là ngồi.

O-umé đi lấy một cái áo va-rơ có mền bông. Với những lời lẽ giống như những lời lẽ người ta dùng khi dỗ dành trẻ con, bà phải mất công khó nhọc mới khiến được chồng xỏ hai tay vào áo đó. Sau đấy, có vẻ yên tâm, bà ngồi ở một

bạc lên xuống của căn phòng, nhìn với vẻ canh chừng dò xét khuôn mặt chồng bà, ông chồng đang mài dao, mài với tất cả khí lực còn sót lại.

Thằng nhỏ Kin lúc ấy đang ngồi trên một chiếc ghế dài dành cho những hành khách ngồi chờ đợi, gần bên cửa sổ; nó cầm một con dao cạo quẹt lên quẹt xuống dọc theo cẳng chân nó, thú cẳng chân trẻ con đầu sao thì cũng chưa có lông.

Ngay lúc đó, cửa ra vào mở ra, một gã thanh niên, khoảng hăm mốt hăm hai tuổi, thân hình thấp bé, bước vào tiệm với sự vui vẻ ồn ào. Gã mặc một bộ kimono mùa mát mới toanh bằng vải bông, hai đầu chiếc dây lưng được thắt vào nhau ngay ở giữa bụng⁴ hai bàn chân gã xỏ trong một đôi hài hoàn toàn bằng gỗ, có

4 Nút thắt ở ngay giữa bụng coi nghịch mắt, vì có vẻ khác thường. Thông thường, nút thắt đó phải nằm phía bên phải bụng. (chú thích trong bản Pháp ngữ)

buộc dây sơ sài, phía trước bó chặt lấy bàn chân, coi dễ sợ.

– Cạo mặt cho tôi một chút, lẹ lẹ lên nhé !

Gã thanh niên vừa nói thế vừa đứng trước tấm gương soi, khẽ cấn cấn vào môi dưới, vênh cằm lên, và không ngừng dùng đầu mấy ngón tay xấp vào nhau xoa xoa phần phía dưới bộ mặt gã. Khi nói, gã cố bắt chước kiểu nói của một dân thành thị kiểu mới nhất, nhưng cái giọng nói của gã khiến người ta nhận thấy rõ gã vốn chỉ là một dân nhà quê. Những ngón tay nổi rõ khắc và bộ mặt đen sạm lồi lồi lõm lõm của gã tố cáo gã là một kẻ hàng ngày vốn thường phải làm những công việc nặng nhọc.

– Đi gọi thằng Kane về đây, lẹ lên !
O-umé nói và đôi mắt bà ta, cũng như
giọng nói của bà, đầy vẻ ra lệnh.

– Khỏi gọi nó, để tôi làm cho ! Yosh-
isaburo nói.

– Nhưng hôm nay tay mình run thế
kia...

– Để tôi làm ! Yoshisaburo cắt ngang
lời vợ một cách bức bối.

– Hôm nay, không hiểu ông ấy làm
sao thế này... O-umé nói làm bầm.

– Đưa cái áo bờ-lu đây ! Yoshisaburo
nói.

– Cạo râu thôi mà, đâu có gì mà sợ
nhớ, thôi đừng mặc bờ lu nữa.

O-umé nói thế vì bà không muốn
ông cởi bỏ chiếc áo va-rơ.

Gã trẻ tuổi có vẻ bối rối ngơ ngác, hết nhìn người chồng rồi lại nhìn người vợ. Gã e dè nhíu cặp mắt nhỏ và trũng của gã lại mà hỏi :

– Này ông chủ, ông bị đau à ?

– Bị cảm nhẹ nhẹ thôi... Yoshisaburo trả lời.

– Nghe nói lúc này có nhiều người bị cúm nặng lắm đó. Ông phải cẩn thận !

Yoshisaburo trả lời bằng hai tiếng “cảm ơn !” hoàn toàn có tính cách chiếu lệ, và choàng một cái khăn trắng quanh cổ khách.

– Ông cạo qua loa thôi cũng được. Gã thanh niên nhắc lại ý đó ; và, với một nụ cười thông cảm, gã nói thêm : Bởi vì tôi hơi vội, phải đi... Ông hiểu chứ...

Yoshisaburo ngậm miệng không nói gì cả ; bác ta mở lưỡi dao của ông Yamada mà bác vừa mài và gọt nó vào một sợi da.

– Bây giờ là mười giờ rưỡi, hả ? Được rồi. Chắc hẳn cùng lắm là tới mười một rưỡi là phải xong.

Người khách nói thế bằng một giọng nhấn mạnh với hi vọng sẽ nhận được vài lời phát biểu ý kiến của bác thợ cạo.

Ngay lúc đó trong tâm trí Yoshisaburo hiện ra rõ rệt hình ảnh một người : hình ảnh một con gái điểm nhơ bản cư ngụ ở tầng dưới ; bác nghĩ tới những con gái điểm mà cách xử sự nói năng không còn gì là nữ tính ; bác nghĩ rằng có lẽ cái gã thanh niên người nhỏ bé này, sau khi ra khỏi tiệm của bác, sẽ đi xuống cái ổ điểm ấy ; tất cả những hình ảnh khiến

bác buồn nôn đó, lần lượt diễn ra trong bộ óc đã suy nhược của bác. Bác đổ nước đã nguội ngắt vào xà bông rồi, cố ý chọn một cái chổi cọ khá cứng, bác nhúng nó vào nước xà bông bôi vào mặt khách, khắp cả cằm lên tới hai gò má. Gã trẻ tuổi cử ngong ngóng cổ nhìn bộ mặt gã, cái bộ mặt cứ từng lúc bị che khuất rồi lại xuất hiện trong tấm gương. Yoshisaburo rất muốn khắc một vài ý nghĩ độc ác mà bác cảm thấy rõ ràng vào cái bộ mặt đó của gã thanh niên.

Hơn một lần, lưỡi dao cạo được gạt đi gạt lại vào sợi da, kêu loẹt xoẹt, và bác Yoshisaburo bắt đầu cạo mặt cho khách, khởi sự từ phía dưới cằm. Đúng thế, lưỡi dao đi không được ngon. Bàn tay Yoshisaburo run run. Giờ đây vì phải đứng nên bác mệt nhọc hơn là nằm trong giường ; bác phải gắng dần công việc cho ổn, nên

khi bác thoát cúi xuống, nước mũi bác bắt đầu chảy ra. Thỉnh thoảng bác lại phải tạm ngưng công việc, để hỉ mũi. Tuy vậy lúc nào bác cũng vẫn cứ thấy lỗ mũi bác buồn buồn vì một giọt nước mũi thành hình và có vẻ như sắp sửa rơi xuống.

Người ta nghe thấy tiếng đứa con nhỏ của vợ chồng bác khóc ở phòng trong ; O-umé dời của tiệm bước vào phòng đó.

Mặc dầu bị cạo mặt bằng một con dao không được sắc nhưng người khách vẫn giữ bộ mặt lãnh đạm. Lưỡi dao tuy cùn nhưng có vẻ không làm cho gã động lòng gì cả. Cái vẻ thờ ơ hững hờ như vậy của khách đã khiến cho Yoshisaburo điên lên vì tức tối. Chẳng phải vì bác thiếu những dao cạo sắc bén và thuận hợp với bàn tay bác. Nhưng bác không chịu đổi dao khác : việc đẽch gì mà phải chăm sóc kỹ càng cho một người khách

như gã này chớ. Tuy nhiên, một cách vô thức, bác cứ làm việc một cách chăm chú cẩn thận như thường lệ. Mặt người khách còn chỗ nào nham nhám là bác không thể chịu được ; và càng cố cạo cho nhẵn, bác càng bức bối. Sự mệt nhọc dần dần xâm chiếm thân thể bác, xâm chiếm tâm hồn bác. Cả cơn sốt cũng có vẻ đang dâng lên một cách rõ rệt.

Lúc đầu, gã trẻ tuổi đã thử nói chuyện này chuyện nọ, nhưng rồi, vì sợ hãi bởi cái tính khí lăm lè khó chịu của bác thợ cạo, gã ngồi ngậm tăm, không còn nói gì nữa.

Khi lưỡi dao cạo đưa trên trán gã thanh niên thì, vì quá mệt mỏi với những công việc nặng nhọc lúc ban ngày, gã thiu thiu ngủ. Thằng Kin, lúc đó đang đứng tựa lưng ở cửa sổ, cũng ngủ gà ngủ gật. Ngay cả phòng trong, lúc này đã tắt tiếng

ru của người mẹ, cũng lâm vào trạng thái im lặng như tờ. Trong nhà này, cũng như bên ngoài, đêm tối trở nên êm tĩnh hoàn toàn. Người ta chỉ còn nghe thấy tiếng lưỡi dao cạo chạy rột rột trên da.

Sự bức tức âm thầm và sẵn sàng nổ bùng của Yoshisaburo đã biến mất : lúc này nước mắt bác như muốn ứa ra và bác đã hoàn toàn kiệt sức. Mắt bác nhìn không rõ nữa, như thể cơn sốt đã khiến con mắt bác biến thành chất lỏng.

Bác đã cạo xong phía trên cổ, cạo xong cái cằm, hai má và vầng trán. Nhưng từ chỗ cổ họng, nơi mà làn da thì mềm, bác không thể nào cạo cho đúng ý được. Bác cố làm cho chu toàn, cố thực hiện điều không thể làm được, nhưng vô ích. Lúc bấy giờ bác thoáng có ý nghĩ là phải bào tuốt lượt luôn cả lông lẫn da. Chính vì ngó vào bộ mặt đỏ của người khách,

bộ mặt có làn da thô kệch đến thế, có những lỗ chân lông dễ dàng tiếp nhận những cái ghét, mà trong thâm tâm bác đã nảy ra cái ý nghĩ như thế,

Gã trẻ tuổi đã ngủ lúc nào mà không hay. Đầu gã ngửa hẳn ra phía sau, gã há hốc miệng, nhả ra những hơi thở hôi thối. Hai hàm răng gã khấp khểnh và đầy cái bẩn.

Yoshisaburo đã mệt lả. Thật tình, bác không còn đủ sức làm việc thêm nữa : bác có cảm tưởng như người ta đã chích thuốc độc vào tất cả những khớp xương của bác. Bác ao ước được đứng sững lại, được ngã phục xuống ngay tại chỗ đó. Tâm tưởng bác không ngừng nhắc đi nhắc lại : “Hãy dừng lại, dừng cạo nữa !” Thế nhưng, như một người máy, bác vẫn tiếp tục ngoan cố cạo người khách.

Đột nhiên lưỡi dao hơi khựng lại một chút xiu, nhẹ, rất nhẹ... Cổ họng gã thanh niên khẽ rung lên. Có một cái gì như một làn sóng chuyển rất nhanh trong cơ thể Yoshisaburo, suốt từ đỉnh sọ xuống tới đầu ngón chân cuốn phăng đi tất cả mọi vết tích của một mối trên cơ thể ấy.

Cổ họng người khách vừa bị lưỡi dao phạm phải rất nhẹ, và vết rạch đó không dài tới hai phân. Nhưng Yoshisaburo đứng im lìm và đôi mắt bác không rời vết rạch đó. Lúc đầu nó chỉ là một vạch rất mờ trắng bệch, dần dần màu trắng đó trở thành màu hồng, rồi một lúc sau máu ở chỗ đỏ ứa ra. Yoshisaburo vẫn đăm đăm ngó cái vết rạch. Một giọt máu sẫm sáng óng ánh. Cái giọt đó lớn dần lớn dần, và này đây nó chảy xuống thành một vệt máu, chảy nhanh và êm ru.

Lúc bấy giờ, một ý muốn man rợ chột tỉnh thức trong đáy tâm hồn Yoshisaburo... Trừ lần này ra, từ trước tới nay, Yoshisaburo chưa hề bao giờ gây một thương tích nhỏ nào cho các khách hàng, và giờ đây, cái ý muốn man rợ ấy dâng lên trong bác, càng lúc nó càng có nhiều quyền lực, nó dâng lên một sức mãnh liệt phi thường. Dần dần, hơi thở bác trở thành hào hển. Hình như cả thân thể lẫn linh hồn bác đã bị cái vết thương nhỏ bé kia hớp lấy... Giờ đây bác không còn có thể nào kim hãm được cái uy lực đó trong người bác ; Yoshisaburo quay lưỡi dao lại và bằng một cử động đột ngột, bác cho lưỡi dao cửa một đường xiên xiên vào cổ họng người khách, nhát đao mạnh đến độ tất cả lưỡi dao bị ngập

hắn vào cổ người khách... Gã thanh niên chết ngay không kịp giãy giụa. Trong một giây đồng hồ, máu vọt ra, và, ngay lập tức, bộ mặt gã trở thành xám ngoét như đất.

Trong trạng thái nửa tỉnh nửa hôn mê, Yoshisaburo tự thả mình rơi vào một cái ghế bành ở cạnh đó. Tất cả sự căng thẳng trong người bác vụt dịu hẳn lại, nhưng cũng ngay trong lúc đó, bác ta thấy mình đã mệt mỏi đến cực điểm. Đôi mắt nhắm lại, cơ thể không còn chút sức lực nào, trông bác giống như một kẻ đã chết... Đêm tối cũng mang một vẻ êm tĩnh của một xác chết... Không còn một vật gì động cựa nữa... Tất cả mọi vật đã chìm vào một sự hôn mê sâu thẳm...

Chỉ có những gương soi, được đặt
ở ba mặt căn phòng, là đang ngắm nhìn
quang cảnh với một vẻ thờ ơ lạnh lẽo...

tháng Tư 1910

Naoya Shiga

Kuma

Bạn thân của tôi là ông Tanizaki⁵ ở Okamoto, có cho tôi một con chó săn loại lévrier (đó chính là con vật đẹp đẽ mà ông ta đã cho xuất hiện trong cuốn tiểu thuyết Tade kun mushi – Những thị hiếu và những màu sắc – của ông ; và trong sách ấy, người ta cũng còn thấy con chó đó trong các hình minh họa của cổ họa sĩ Narashige Koide, cũng là

5 Tanizaki là một tiểu thuyết gia Nhật Bản hiện đại có vóc dáng rất lớn. Ông là tác giả nhiều truyện ngắn, những bài khảo luận về nhiều đề tài khác nhau, những vở kịch và một bản chuyển ký cuốn sách vĩ đại Roman de Genji (chú thích trong bản Pháp ngữ).

bạn của chúng tôi.) Con chó này (được tôi đặt tên cho là Naka) đã tới lúc già, mắc phải bệnh rụng lông và tôi biết chắc rằng trong một thời gian thật lâu lông nó không còn mọc ra được nữa.

Một buổi sáng tôi bị đánh thức dậy bởi những tiếng huyên náo do vợ và các con tôi gây ra ở phía trước căn phòng mà trong đó tôi đang ngủ. Hối ra mới biết con chó Naka vừa chết. Lúc ấy, chính tôi cũng bị bệnh sạn trong túi mật hành hạ, và đang sa vào một tình trạng rất mệt mỏi cả về thể chất lẫn tinh thần. Tôi ghê tởm không muốn nhìn thấy cái xác chết của Naka. Từ trong giường, tôi ra lệnh cho vợ con tôi đi gọi ngay lập tức bác người làm ngụ ở làng Byakugoji, tức là người vẫn tới giúp việc cho gia đình tôi hàng ngày, và bảo bác ta mang xác con chó tới chôn tại nghĩa địa ở đền Gyakugo. Tôi tự thấy

khỏi cần phải ra khỏi giường. Như vậy đó, Naka đã nằm xuống chết ở cái chỗ chỉ cách giường tôi nằm không đầy hai thước. Làm sao để tin rằng sự kiện “con chó nằm chết ở một chỗ gần tôi đến thế” chỉ hoàn toàn là một sự tình cờ chứ ? Cái ý nghĩ đó khiến lòng tôi tràn đầy nỗi thương cảm.

Thông thường tôi vốn luôn luôn yêu mến loài vật, và từ khi tôi còn nhỏ cho tới nay, tôi vẫn thường nuôi những súc vật. Nhưng, như các người già cả thường hay nói, người ta cứ càng già đi lại càng đau buồn thêm khi thấy những súc vật mắc phải bệnh tật hoặc kế tiếp nhau mà chết. Cần phải thêm điều này vào : khi người ta ở thôn quê người ta thường lưu luyến với thảo mộc – theo ý tôi, sự lưu luyến đó là một ý hướng rất tự nhiên – Nhưng đối với súc vật, chẳng biết có phải do tính

chất di truyền không, các con tôi rất ham nuôi chúng. Đến đổi trong vòng ba bốn năm nay, hai vợ chồng tôi đã phải nuôi súc vật trở lại, để chiều theo các con.

Cái năm tiếp theo năm mà chó Naka chết, chúng tôi đã phải dọn nhà tới thành phố Tokyo. Ngôi nhà mà chúng tôi sẽ tới ngụ ở Tokyo liệu có sẽ cho phép chúng tôi nuôi một con chó hay không ? Tôi đã từng quyết định rằng chỉ khi nào có hoàn cảnh thuận tiện hơn, chúng tôi mới nuôi con chó khác, vì thế, trong một thời gian, trong nhà chúng tôi đã không có súc vật nào cả.

Tuy nhiên, một hôm, tôi và các con tôi đã mở một cuộc lội bộ đi chơi theo như tập quán thông thường. Chúng tôi tiến về phía rừng Kasuga, trước khi đi tới ngôi đền cũng mang tên Kasuga. Rồi, men theo chân ngọn núi Misaka chúng

tôi lần lượt đi tới đồi Tamuke, ngôi đền Hokke và miếu Đệ nhị Nguyệt. Sau đó từ trên chùa Đại Chung, mấy cha con tôi đi xuống ven thái ấp Đại Thích Ca và đi vòng sau thái ấp đó. Tôi muốn tới thăm bạn tôi là ông Hashimoto tại Đạo qui viện, một trong những ngôi chùa ở Tô-daiji. Đi qua tiền sảnh, người ta sẽ thấy ngay, ở phía bên, một cái chỗ mà những người sống tại vùng Kyôto quen gọi là “nội đình”, và ở phía bên kia “nội đình” là nhà bếp. Vợ ông Hashimoto đã từ nhà bếp đó tới gặp mấy cha con tôi, theo sau bà ta là một con chó mẹ và ba con chó con. Mấy con chó nhỏ, bắt cần lưu ý xem khách thuộc hạng người nào, cứ quần quít bên chân chúng tôi, bày tỏ sự vui mừng của chúng bằng cách liên hồi vẫy vẫy những cái đuôi ngắn ngùn và nhún nhún hai mông sau.

Ông Hashimoto không có ở nhà. Do đấy, tôi quyết định quay trở về nhưng lúc đó đứa con gái áp út của tôi, đang ngồi xổm, hai bàn tay ôm lấy cổ một con chó nhỏ, nhất định không chịu đứng dậy

– Con thích con chó này ! Con muốn có nó ! Con gái tôi vừa nói thế vừa ngược mắt lên nhìn tôi bằng cái nhìn mà nó đã cố ý phả tất cả sự ham thích của nó vào đấy để ép buộc tôi phải ưng thuận. Về phần con vật, nó giữ một vẻ bình lặng khác thường, và đuôi nó cúp xuống. Chắc chắn là con chó ấy không suy nghĩ lo âu gì cả, nhưng nhìn đáng bộ đó của nó người ta vẫn cứ có cảm tưởng như nó đang lo lắng không biết nó có sắp được chúng tôi chiếu cố hay không. Đó là một con chó có lông dài, và thoạt nhìn nó, người ta thấy nó cũng chỉ thuộc giống chó thông thường. Mặc dầu ông Hashimoto không

có nhà và do đấy không thể nào có ngay được sự đồng ý của ông, tôi vẫn cứ chịu nhượng hộ con gái tôi để tạm xin con chó đó mang về và chúng tôi sẽ trả lại nó cho ông Hashimoto nếu như ông ta đã hứa cho nó cho người nào khác rồi. Kết cuộc, chúng tôi mang con chó đi, mấy đứa con tôi tranh giành nhau lần lượt bỗng bế nó.

– Lúc này đây, chưa thể mang nó đi Tokyo được vậy khi nào chúng ta dọn nhà chúng ta sẽ tạm gửi nó nơi nhà một người quen nào đó. Tôi nói.

Tôi thường vẫn nhắc đi nhắc lại cái ý kiến về dòng giống chó cho các con tôi nhớ. Trong thời kỳ ấy đang có phong trào nuôi những chó giống tốt như loại beec-giê, loại airdale, loại chó Nhật, vì thế từ trước tới nay, tôi chưa hề bao giờ có ý định nuôi cái thứ chó pha giống cỏ

rả như con chó này. Một kinh nghiệm từ ngày xưa đã cho tôi biết những sự phiền phức do cái bản chất man rợ xưa cũ của những thú chó tạp giống như vậy gây ra, những phiền phức mà tôi đã từng có lần trình bày trong một truyện kể ngắn nhan đề Đạo chơi trong tuyết. Vậy nên tôi đã am hiểu những điểm không hay của loại chó tạp chủng. Trông chúng đang xinh xắn ngộ nghĩnh thế rồi, một ngày đẹp trời nào đó, chúng bỗng đâm ra đau yếu, phờ phạc. Chính vì thế mà tôi đã cẩn thận cảnh cáo mấy đứa con tôi về điều đó. Vài ngày sau, tôi nhận được mấy hàng chữ của ông bạn Hashimoto : “Tôi chưa hứa con chó cho ai cả. Vậy nếu cha con bác ưa thích nó, bác cứ việc giữ lấy nó. Tuy nhiên, trong trường hợp bác không muốn nó nữa bác cứ việc trả lại nó cho tôi, khỏi cần bận tâm gì cả.” Như vậy là tác giả bức thư này đã có ý e

ngại rằng tôi sẽ tiếc hận về cái cử chỉ lúc đầu của tôi, cái cử chỉ đã bị chi phối bởi một sự tò mò hơi hợt của lũ con tôi. Và chẳng, chính con chó này cũng đã là một thứ minh chứng rằng nỗi e ngại đó của Hashimoto không phải là không duyên cớ.

Chúng tôi đã thảo luận với nhau về cái tên sẽ đặt cho con chó. Vốn có những cái tên như “Teru”, “Yone”, “Toku”, là những cái tên mà người ta đã quen dùng từ hai thế hệ nay và do đấy đã trở thành rất quen thuộc. Nhưng căn cứ theo những đức tính phi thường của chúng, những con chó đã mang những tên đó thường là xứng đáng với tên của chúng. Trong khi con chó nhãi ranh của chúng tôi trông có vẻ không xứng với những cái tên đầy danh dự như thế. Cuối cùng vì thấy đáng bộ nó có ít nhiều điểm giống

với dáng bộ con gấu, chúng tôi bèn đặt tên cho nó là “Kuma” (nghĩa là “Gấu”). Gặp đúng ngay sau cái vụ đó thằng con trai tôi đã làm một bài luận văn tại lớp với đề tài “Con Gấu”. Nó đã khởi đầu bài luận của nó như thế này :

Có nhiều loại gấu khác nhau : gấu nâu, gấu mang một vết màu trắng, gấu trắng, gấu Mã Lai, nhưng cái con gấu ở trong nhà tôi lại không phải là một con gấu đúng như thế. Bởi vì ‘Gấu’ là tên con chó của tôi. Tại sao chúng tôi đã đặt tên cho nó là “Gấu” ? Bởi lông nó dài và rậm bù xù. Coi nó giống như một con sư tử trong những tranh vẽ của người Trung Hoa, và trông nó cũng giống với một con gấu. Và lẽ đương nhiên, bởi vì nó chính là một con chó, nên trông nó còn giống với một con chó...

Ờ, mà thật thế, con chó này trông giống một con gấu. Có một ông bạn tôi tên K... vốn là hàng xóm của tôi; tôi thường làm cho K... phát tức tối khi tôi bảo ông ta :

– Khi nào tôi đi Tokyo, tôi để con Kuma lại cho bác nhé.

Mỗi lần nghe câu nói đó của tôi, K... thường cười ruồi. Tôi còn nói với ông ta :

– Bác sẽ nói sao khi thấy tôi dắt con chó ấy đi dạo chơi một vòng từ khu Shimbashi sang khu Kyobashi⁶. Ngay lúc nó còn bé tí, có lần chúng tôi dắt nó đi dạo chơi trong công viên Nara. Một hôm có một bà thuộc hạng tuổi sồn sồn, trông có vẻ như tới du lịch tại Nara, đã nhìn chúng tôi bằng cái nhìn chê bai, rồi vừa hạ một

⁶ Shimbashi và Kyôbashi là hai khu ở Tokyo. (Chú thích của người dịch).

[thiếu trang 24, 25]

của tôi ắt rồi sẽ gặp tai nạn ; quả nhiên chẳng bao lâu biến cố đó xảy ra: con vịt đã bị một con chó ở hàng xóm tên là Tarô cắn chết. Ít lâu sau, lại có chuyện khác. Thằng con tôi mang về nhà một số gà con mà nó cho biết là nó đã mua với giá mười yen ba con. Khi lũ gà được thả ra, Kuma nằm tách xa hẳn một chỗ khá xa với chỗ thả gà và không có một cử

chỉ nhỏ nào của nó chứng tỏ nó muốn lảng vảng tới gần lũ gà hơn. Nó không quên được cơn thịnh nộ của tôi trong vụ hai con vịt trước đây. Sau khi được thả ra, mấy con gà chạy tung tăng khắp nơi trong sân. Cuối cùng, chúng mon men tới chỗ Kuma đang nằm dài. Nhưng con chó, vì e ngại có thể gây ra một cơn dông tố mới hoặc một sự sỉ nhục nào tương tự, nên đành chỉ vừa đứng dậy vừa hạ thấp đầu xuống đưa mắt nhìn xéo sang tôi ; và nó quay người nửa vòng dời xa lũ gà con; nó tiến tới phía cửa nhỏ và đi ra ngoài đường. Tôi thấy rõ là cái kiểu nó nhìn tôi lúc ấy có vẻ như muốn bảo tôi rằng : “Lần này, đồng ý với ông, tôi không hề động gì tới mấy con gà nhé. Ông đừng có nổi giận với tôi đó nhé.”

Thế rồi, tới cái lúc cả lũ gà con đều đồng lòng tin cậy vào con chó một cách

cuồng nhiệt. Tôi thường trông thấy lũ gà nhảy lên lưng con chó lúc nó đang nằm ngủ. Trông cách nó xử sự với lũ gà người ta thấy nó thật tinh khôn. Riêng đối với những người lạ, thì đầu có bị trách mắng đến mấy, con Kuma cũng cứ vẫn xử sự một cách khác hẳn thế : nó thường rượt đuổi người ta, vừa rượt vừa sủa, thỉnh thoảng còn cắn người ta nữa : chỉ có điều đó là khuyết điểm của nó. Vì thế ban ngày nó bị cột lại bằng một sợi xích dài, chỉ ban đêm nó mới được tháo xích ra.

Mùa thu trước nữa, năm người trong gia đình tôi được chuyển tới Tokyo. Vì những lý do liên hệ đến việc học của hai đứa con tôi, chỉ còn ba người : hai đứa con gái thứ nhì và thứ ba của tôi và tôi ở lại nơi cũ. Về phần những súc vật nuôi trong nhà thì có con khỉ mà chúng vẫn nuôi đã được nhập vào toán dời đi To-

kyo, trong khi Kuma được ở lại Nara với tôi. Sang mùa xuân năm ngoái, đến lượt toán còn lại của gia đình tôi dời nốt đi Tokyo, Kuma cùng đi với tôi. Tại đô thị, mặc dầu Kuma là một con vật tinh khôn nhưng nó cũng vẫn chỉ là một “đứa bé nhà quê” ra tỉnh. Hàng ngày tôi dẫn nó đi dạo trên những đường lân cận ở chung quanh khu Toyama-ga-hara. Đến ngày thứ mười, vì thấy Kuma đã có vẻ quen thuộc với nơi ở mới này, tôi bèn tháo dây cột nó ra. Nhưng hai, ba ngày sau – điều này kể cũng dễ tiên đoán – con Kuma bị lạc đi đâu mất. Vụ nó bị mất tích như vậy khiến tôi bức tức. Ngày trước, trong một dịp đi dạo về miệt Asakusa, tôi đã thuê người ta làm cho một tấm lắc ghi khắc căn cước con Kuma, cái loại lắc mà người ta thường đeo vào cổ những đứa trẻ con để phòng ngừa trường hợp chúng bị lạc. Nhưng tấm lắc ấy vẫn còn được móc vào

một cái đinh khuy ở cửa lò sưởi chứ chưa được tôi đeo vào cổ con Kuma. Nếu tôi đã có lương tri đeo tấm lặc ấy vào cổ nó chắc hẳn chúng tôi sẽ không đến nỗi mất hy vọng tìm thấy nó như lúc này. Tokyo là một nơi hơi khác biệt với Nara : ở Tokyo này, muốn tìm nó thì cứ tìm, nhưng muốn tìm thấy nó thì có khác gì muốn tìm thấy cái kim gút trong đồng cỏ khô ! Tuy vậy, tôi và lũ con tôi vẫn cứ cố tìm kiếm nó : từ trên đỉnh ngọn đồi của bãi tập bắn của khu Toyama-ga-hara, chúng tôi đồng thanh gọi tên Kuma, gọi thật lớn ra khắp bốn hướng trời. Tối hôm đó có những cơn gió bắc lạnh giá.

Tôi tới quận cảnh sát để báo cho họ biết về vụ Kuma mất tích. Nhưng người ta nói với tôi rằng việc tìm những con chó bị lạc không phải việc của cảnh sát ; người ta chỉ bảo tôi rằng nếu trong

những ngày tới đây mà tôi không thấy con chó trở về, thì tốt hơn hết tôi nên làm tờ khai về vụ mất con chó rồi cảnh sát sẽ liệu tính chuyện giúp đỡ tôi.

Tôi vốn nghĩ rằng đối với việc mất một con chó tinh khôn thì có trình báo cảnh sát như vậy cũng chẳng phải điều quá đáng. Chúng tôi chỉ còn biết suy nghĩ. Kuma vốn là con vật chưa hề nhìn thấy cái xe điện bao giờ nên có thể nó đã bị một chuyến xe điện chạy hết tốc lực ở đường xe lân cận và phải chăng ? Cũng có thể nó đã bị một cái xe hơi cán phải ; thứ xe hơi mà một con chó hãy còn què mùa như nó thường thích rượt theo ?... Vào ban đêm, khi tôi nghe tiếng một con chó rít lên ư ử và ngỡ rằng đó là tiếng con Kuma, tôi đã thường phải bước ra khỏi giường tới mở cửa sổ phòng tôi, và chẳng còn biết tôn trọng ai, tôi gọi tên

con Kuma âm lên. Biết bao nhiêu lần tôi đã hy vọng hụt như vậy rồi !

Đôi khi tôi còn tưởng tượng là vì không tìm thấy nhà mới nên có lẽ con Kuma đã cố tìm đường trở về Nara rồi. Tôi nhớ lại chuyện con chó ở tỉnh Kii mà người ta đã gửi tới Osaka : chỉ sau vài tuần lễ, con chó ấy đã dờn bỏ Osaka để lần về tỉnh Kii và khi gặp lại được chủ nó ở Kii nó đã lăn ra chết... Nhưng về phần con Kuma, nếu nó có lần mò về tới Nara thì ở đó nó sẽ chẳng gặp được ai hết ; ý nghĩ đó khiến tôi càng thương nó thêm.

— Chắc hẳn không thể có chuyện nó trở về Nara, nhưng dầu sao thì chúng ta cũng cứ biên thư về cho người quen ở Nara cho họ biết. Và tôi yêu cầu vợ tôi biên thư gửi về Nara,

Tôi cảm thấy buồn rầu khi mừng tượng cái bóng dáng của Kuma đang phóng về hướng Tây, trên con đường đi Tôkaido, và nó chẳng có gì mà ăn !

– Nó bị mất tích từ hôm nào nhỉ ?

– Hôm mồng bốn tháng này... Sau khi vừa ăn xong bữa tối thì nó...

Thỉnh thoảng chúng tôi lại đo lường tính toán về thời gian đã trôi qua như thế đó.

Một hôm, tôi quyết định đi với đứa con trai của tôi tới một tiệm sách ở khu Kanda để mua một trong những cuốn sách sửa bài tập mà các học sinh quen dùng. Ngay khi chúng tôi đã sẵn sàng để ra đi thì một ông bạn của tôi tới. Ông ta có chuyện muốn bàn với tôi. Vì đã từ lâu lắm chúng tôi không được gặp lại nhau

nên tôi không còn muốn đi Kanda nữa; tôi và ông bạn hàn huyên đủ chuyện. Đang lúc đó thì lại có thêm một người bạn nữa tới chơi. Chuyện trò lan man đến độ mãi bốn tiếng đồng hồ sau cả hai người khách mới về hết.

– Sao đây ? Đi bây giờ hay để đến mai ?

Tôi hỏi thẳng con tôi. Mối nó nở một nụ cười lưỡng lự khi nó trả lời :

– Ba muốn đi bây giờ hay để đến mai cũng được... Mà có lẽ nên đi luôn bây giờ đi, ba à...

Tôi hiểu lòng thẳng con tôi : thái độ đó của nó chứng tỏ nó muốn đi ngay lúc ấy, với hi vọng là trước khi trở về nhà hai cha con có thể sẽ tạt vào một rạp chiếu bóng hoặc ghé một tiệm ăn ngon lành nào đó.

– Chắc hẳn tiệm sách vẫn còn mở cửa buổi tối. Phải lẹ lẹ lên chút. Dừng bữa xong rồi chúng ta đi ngay...

Đứa con gái cả của tôi, vì bực tức với thằng em nên vừa nói phá đám vài câu vừa cất cao giọng để nhấn mạnh.

– Thôi chị im đi ! Người ta chỉ nghe thấy có tiếng của chị thôi !...

Thằng em phản công lại, coi bộ nó có vẻ nổi giận rõ ràng và nó quắc mắt nhìn chị nó.

Cuối cùng, mọi người quyết định là chúng tôi sẽ ra đi ba người : tôi, thằng con trai tôi và con em gái nó.

Tôi muốn đáp xe ô-tô buýt thành phố từ trạm Takata-no-Baba để tới ga xe lửa điện trung ương Tokyo. Nhưng chuyến xe tới đầu đây nhóc hành khách khiến

cho nhiều người phải đứng nên tôi quyết định chờ chuyển xe sau. Vài phút trôi đi. Xe vừa đỗ, con trai tôi đã len vội vào phía trong xe để giành một chỗ ngồi cho tôi. Cuối cùng, cả ba chúng tôi đều có chỗ ngồi nhưng phải ngồi ép sát lại với nhau.

Tới ngã tư Edogawabashi, trong khi tôi lơ đãng ngó ra ngoài xe tôi bỗng trông thấy một con chó đang chạy chậm chậm qua cầu hướng về phía đền Gokokuji ; trông xa tôi thấy con chó ấy có vẻ giống con Kuma. Chỉ hơi khác nhau một chút ở cái đuôi, vì đuôi con chó ấy thẳng. Có lẽ vì tôi hay nghĩ tới con Kuma nên tôi thấy con chó này giống với con Kuma chẳng ? Tâm hồn thẳng thốt, tôi hỏi hai đứa trẻ :

– Có phải con Kuma đang đi ở đằng kia chẳng ?

Trong số các anh chị em nó, con nhỏ Tazuko vốn là đứa bé ham thích loài vật hơn cả. Rất bị kích động, nó đứng vùng dậy và la lớn :

– Con Kuma đó ! Đúng con Kuma đó !

Chiếc ô-tô buýt đã chạy qua ngã tư và lúc này những ngôi nhà đã che khuất mất con chó. Tôi bảo hai đứa trẻ :

– Các con đứng đợi ba ở trạm tới nhé.

Và khi tôi đứng dậy định xuống xe thì cô soát giấy vừa chặn tôi lại vừa nói:

– Xin ông chờ đến trạm tới hẵng xuống.

– Con chó của tôi bị lạc mà. Dừng xe lại đây cho tôi xuống !

– Không được, quy luật đâu có cho phép...

Tôi gạt cô soát vé sang một bên và bước xuống bậc xe ; không suy tính lời thôi gì cả, bác tài xế đã có lòng tử tế giúp đỡ tôi bằng cách cho xe chạy chậm hẳn lại để tôi khỏi bị nguy hiểm khi nhảy xuống xe.

Tôi chạy thẳng tới cầu. Con chó, mà lúc này tôi vẫn chưa thể biết chắc có đúng là Kuma hay không, vẫn chạy một nhịp chậm chậm như lúc nãy, ở cách tôi khoảng một trăm hoặc một trăm rưỡi thước. Không còn do dự gì nữa, tôi gọi thật lớn “Kuma-a-a ! Kuma-a-a !”... Nhưng con chó chẳng thèm quay lại. Tôi chỉ còn có một cách là rút ngắn khoảng cách giữa tôi với nó ; nhưng tôi phải thận trọng mà thú nhận rằng, mặc dầu tôi đã hết sức cố gắng, nhưng tôi tiến không

nhANH hơn một con rùa. Tôi là kẻ vốn tưởng rằng môn chạy là môn sở trường của mình ! Trước kia thì đúng thế đó ; những chiến công của tôi khi xưa lúc này chỉ còn là những kỷ niệm. Về sau này tôi đã thay đổi nhiều, cơ thể tôi đã hoàn toàn từ chối những mệnh lệnh của tôi. Nhưng cũng có cái may là tôi ít khi mặc loè xoè theo lối Nhật ! Tuy thế dưới sức nặng của cái áo ba-đờ-xuy, sự mệt nhọc của tôi dần tăng lên. Dầu vậy cuộc đuổi theo càng kéo dài thêm chừng nào tôi lại càng tin rằng con chó đang chạy đằng trước kia chính là con Kuma ; tôi đã cố gọi nó nhưng vô ích ; nó không nghe thấy tiếng gọi của tôi. Tôi nghĩ thầm trong bụng rằng nếu lần này mình để cho con chó chạy vượt đi mất thì cái cuộc tái ngộ ngàn năm một thuở này sẽ chẳng bao giờ lại có nữa; và, gác bỏ tất cả mọi bận tâm về cái tư cách của tôi, tôi la

lớn như một tên hóa đại : “Kuma ! Kuma !” Rõ thật rủi quá, lúc ấy không có một chiếc xe tắc-xi nào chạy tới cả. Đến đổi tới cái lúc tôi tin rằng tôi sắp sửa ngã rũ xuống vì đã gắng sức chạy nhiều quá. Sự đuổi sức này của tôi càng làm dài thêm khoảng cách giữa tôi và Kuma, khiến tôi càng bồn chồn, bức tức. Có một con chó khác nhô ra đi ngược chiều lại với Kuma. Khi thấy con chó kia, con Kuma đứng dừng lại. Tôi nghĩ bụng : “Trong lúc hai con hờm nhau chắc mình sẽ đuổi kịp Kuma ; nếu chúng nó cản lộn nhau nữa càng hay.” Nhưng không, hai con chó đã rời xa nhau ngay, và Kuma vẫn cứ chạy đi, thẳng về đằng trước, cái nhịp điệu như cũ. Tôi nhận thấy một cái xe hơi dừng lại dọc hè đường bên kia của cây cầu. Tôi vội vàng chạy ngang qua cầu, nhưng trong xe, tôi chỉ thấy một con bé chừng bốn tuổi ngồi ở chỗ người lái xe.

Chung quanh đó, không thấy bóng dáng người lái xe đâu cả.

– Con chó ở đằng kia ấy hả?

Một gã trẻ tuổi mà tôi đoán chừng là một công nhân, đầu đội một cái mũ cát-kết của quân đội, nhảy vọt lên yên chiếc xe máy của hắn chiếc xe nằm gần ngay đó và đuổi theo con chó mặc dầu tôi chưa kịp nói với hắn lời nào ; nhưng chắc hắn đã trông thấy tôi tất tả đuổi theo con chó. Tôi đã mệt lả, kiệt cả sức. Tôi thấm mồ hôi trên trán tôi và tiếp tục bước đi. Dầu vậy tôi rất lo âu : liệu gã thanh niên kia có nắm giữ được con chó mà không gặp khó khăn trở ngại chẳng ? Liệu con chó có sẽ nhào vào cắn hắn không ?... Chỉ một loáng, gã thanh niên đã đuổi kịp con chó. Nhưng hình như hắn sợ thì phải ? Tôi thấy hắn chỉ đạp xe rà rà theo sau con chó, thay vì nắm giữ

ngay lấy nó, và mỗi lúc hấn một cách xa tôi hơn.

Một chiếc xe tắc-xi không có khách chạy tới. Tôi gọi xe, chui vào.

– Con chó màu hạt dẻ ấy hả ?

Bác tài xế tắc-xi hỏi lại. May thay xe bác ta có đi ngang qua con chó và bác có để ý tới nó. Đến cổng chính ngôi đền Gokokuji thì tôi bắt kịp Kuma. Tôi muốn biếu gã thanh niên cưỡi xe máy một cái gì đó để cảm ơn hấn. Tôi biếu hấn ít tiền, nhưng phải nài ép giúi mãi tiền vào tay hấn, hấn mới chịu nhận. Rồi, với con Kuma của tôi, tôi lên chiếc tắc-xi lúc nãy cho chạy quay trở lại. Tới hành lang khu Edogawabashi tôi đón thêm hai đứa con tôi vẫn đang đứng đợi ở đó, thế rồi cả ba cha con cùng đồng ý bỏ dở cuộc đi Kan-da, và chúng tôi trở về nhà.

– Lúc bấy giờ chắc con Kuma mừng rỡ lắm, phải không ?

Người ta thường hỏi tôi câu đó mỗi khi kể lại vụ con Kuma cho họ nghe. Nhưng quả thật lúc tôi và nó gặp lại nhau, Kuma đã chẳng hề bày tỏ sự vui mừng như tôi vốn tưởng. Lúc ấy, chắc hẳn là cả nó cũng đang mệt lả. Nếu lúc đó nó mệt thêm chút nữa thì biết đâu nó lại chẳng ngã gục xuống ngay tại chỗ, giống như con chó ở tỉnh Kii ? Và người ta cũng có có quyền tự hỏi rằng liệu có phải bộ óc nó lúc đó, bị yếu đi vì những thử thách mỗi ngày, đã hơi bị mất bình thường hay chẳng ?... Bởi vì khi xe tới Edogawabashi, lúc hai đứa trẻ chui vào xe, Kuma như chợt tỉnh và đột nhiên nhận thấy rằng nó vừa được cứu thoát nạn và lúc ấy nó mới bày tỏ một nỗi vui mừng nồng nhiệt. Nó đặt hai cẳng trước của nó lên hai vai

tôi. Tôi đã cố đẩy ra, muốn cho nó nằm xuống mà không được. Nó lại đứng dậy bằng hai cẳng sau, đặt hai cẳng trước lên hai vai tôi và vừa le chiếc lưỡi dài của nó ngay trước mũi tôi vừa thở mau. Cho tới lúc về tới nhà, nó cứ giữ những cử chỉ như thế. Sau một tuần lễ đi giang hồ, giờ đây Kuma đã lại trở về mái nhà cũ.

Tất cả nhà đều vui mừng khôn siết kể, vì từ trước, ai này đều không còn hi vọng tìm thấy Kuma. Con chó liền bị cột lại. được ban cho một chén sữa và bánh mứt trộn bừa ; lũ trẻ con còn làm cho nó một cái bánh phồng nhân kem. Sau khi ăn ngấu ăn nghiêng mấy thức đó, coi nó có vẻ thèm ngủ ; thế rồi nó nằm xuống vùi đầu vào hai cẳng trước duỗi ra, hai con mắt hấp him của nó chớp chớp.

– Chắc hẳn đây chỉ là một sự tình cờ. Tuy nhiên ông vẫn không tin rằng vụ

này chỉ hoàn toàn là hậu quả của tình cờ hay sao ?

– Giữa các hoàn cảnh liên tiếp xảy ra vốn có một sự chuyển tiếp không ngờ ; sự chuyển tiếp như thế quả là định mệnh! Lẽ ra thì Kuma đã mất tích luôn rồi!

– Còn con chó mà mình đã hỏi mua của Tanaka thì sao ? Làm sao đây ? Bỏ nó đi ư ?

– Tất nhiên là bỏ nó đi... Không thể nuôi một lúc tới hai con chó được... người ta chỉ hơi lơ là với Kuma một chút, là nó sẽ buồn khổ... Tốt hơn hết đừng bắt con chó kia về.

– Tôi không đồng ý lắm với những lý lẽ ấy, nhưng.... thôi được rồi. Mình giã con chó kia đi. Gọi đây nói ngay cho họ.

Thật tình là chuyện này đã diễn ra

một cách khá khác thường. Tất cả mọi sự kiện đã được nối tiếp với nhau một cách phù hợp : cuộc viếng thăm của hai người khách khiến cho cuộc khởi hành đi Kanda bị trì hoãn lại cho đến tận cái giờ xứng hợp ; thế rồi chiếc ô tô buýt đầu tiên đông khách quá khiến tôi quyết định chờ chuyến thứ hai; lên xe tôi lại được ngồi ở một phía thuận lợi, vì nếu không ngồi ở phía đó làm sao tôi nhìn thấy con Kuma được – sự kiện quan hệ là con chó đã đi theo một hướng thẳng góc với hướng xe buýt khi xe chạy ngang qua ngã tư... Đúng thế, khi sự may mắn chiếu cố chúng ta thì tất cả đều diễn ra như trên một bàn ru-lét, tôi thắng hẳn nghĩ như thế. Nhưng dầu sao đi nữa, tôi cũng không thể chống đối hẳn cái ý kiến cho rằng tất cả một chuỗi những sự việc đặc biệt như vậy đã xảy ra một cách tình cờ.

Hai bắp về tôi bị đau nhức mất vài ngày khiến tôi bước đi một cách khó khăn. Cũng suốt trong vài ngày, Kuma có vẻ bản thân đã đuối như một vật không có sức lực. Nó chỉ ngủ liên miên, nhưng chẳng mấy bữa nó đã lại sức và lại trở thành con Kuma đầy vẻ linh hoạt như xưa. Còn một chuyện lạ nữa : sau cơn gian nan ấy, đối với tôi, Kuma trở nên dễ dạy gấp hai lần trước kia. Nó cũng đã biết vâng lời những kẻ khác trong nhà ; nhưng riêng đối với những người lạ, nó có thái độ khác hẳn, khiến cho chúng tôi thỉnh thoảng lại phải vì nó mà gánh chịu một vài sự phiền hà.

1939

Naoya Shima

